TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HS-PT
Ngày: 24 - 01- 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài

Các Thẩm phán: Ông Vương Hồng Giang

Ông Đặng Minh Tuân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Thái Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 143/2021/HSPT ngày 06 tháng 12 năm 2021 do có kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 531/2021/HS-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

* *Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:* **Phạm Văn T,** tên gọi khác: Không; sinh ngày 30/6/1990 tại Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm G, xã PX, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn D, con bà: Trần Thị M; có vợ: Phạm Kim T1, có 01 con; tiền án, tiền sự: Không,

Bị cáo tại ngoại (không bị tạm giữ, tạm giam). Có mặt

* *Đại diện hợp pháp cho bị hại Đỗ Thị Trà M1 có kháng cáo:* Ông Đỗ Viết T2, sinh năm 1977 và bà Lương Thị H, sinh năm 1981; đều trú tại: Xóm GM, xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T và ông Đỗ Viết T2 (bố đẻ của bị hại) cùng làm thợ xây chung công trình nên quen biết nhau từ khoảng tháng 01/2020. Khoảng tháng 7 năm 2020, T đến làm chuồng gà cho nhà ông T2 sau đó ở lại ăn cơm. Quá trình ở nhà ông T2, T có gặp và nói chuyện với chị Đỗ Thị Trà M1 (tên gọi khác: Đỗ Thị Trà M1, sinh ngày: 26/7/2002, là con gái của ông T2) thì biết M1 là người không bình thường, có biểu hiện mắc bệnh tâm thần.

Khoảng 15 giờ ngày 14/8/2020, sau khi cùng nhau ăn cơm ở quán thuộc khu vực cổng trường Đại học Công nghệ Thông tin Thái Nguyên, ông T2 điều khiển xe mô tô đi về hướng đường Quang Trung, còn T một mình điều khiển xe mô tô về nhà ông T2. Khi đến nơi, T thấy nhà ông T2 đóng cửa, không có ai ở nhà. Lúc này, T gặp và xin ông Đỗ Viết T3 (là anh trai ruột của ông T2, ở cạnh nhà ông T2) số điện thoại của ông T2. T gọi điện cho ông T2 nói mình đang ở nhà ông T2. Lúc này, chị M1 đi từ bên ngoài về mở cổng, mở cửa đi vào nhà. T dắt xe mô tô để vào trong sân rồi đi vào nhà ngồi cạnh M1 trên chiếc ghế dài ở phòng khách tầng 1. Chị M1 rót nước mời và hỏi mượn T điện thoại, T đồng ý và đưa cho chị M1 mượn chiếc điện thoại Iphone 6 của T. Chị M1 cầm điện thoại rồi đi lên tầng 2. Khoảng 10 phút sau, T không thấy chị M1 xuống trả điện thoại nên đi tìm. T lên tầng 2 mở cửa phòng bên tay phải hướng từ cầu thang lên, thì thấy chị M1 đang nằm ở giường gỗ kê sát tường bên trái theo hướng từ cửa vào. T nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với chị M1 để thỏa mãn dục vọng của bản thân, T đi vào trong phòng rồi đóng cửa lại, đến vị trí chị M1 nằm, dùng tay trái vén áo phông màu trắng của chị M1 lên qua ngực rồi xoa ngực. Lúc này ở ngoài hành lang tầng 2 có tiếng trẻ em chơi đùa. T mở cửa phòng đi ra thì nhìn thấy các cháu Đỗ Viết M1 (sinh ngày 24/4/2013), cháu Dương Đỗ Bảo Tr (sinh ngày 21/11/2012), Dương Ngọc T4 (sinh ngày 27/7/2011, cùng trú tại: Xóm GM, xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, T lấy 25.000 đồng đưa và bảo ba cháu đi mua kẹo. Mục đích T cho tiền các cháu để các cháu nhỏ đi chơi, T sẽ tiếp tục thực hiện quan hệ tình dục với chị M1. Sau khi các cháu nhỏ rời đi, T vào phòng ngủ của chị M1 đóng cửa lại, T tiếp tục vén áo chị M1 đang mặc qua ngực rồi dùng tay trái sờ hai bên ngực, sau đó cúi xuống dùng miệng hôn lên ngực và môi của chị M1. Sau đó, T dùng hai tay cởi quần bò, quần lót chị M1 đang mặc qua đầu gối và dùng miệng hôn, liếm bộ phận sinh dục của chị M1, dùng ngón trỏ bàn phải đút vào trong âm đạo của chị M1 đưa ra, đưa vào bên trong âm đạo khoảng 30 giây thì T thấy âm đạo của chị M1 tiết ra nước nhờn làm ướt ngón tay của T. Lúc này T tự cởi quần dài và quần lót của mình ra, lên giường nằm đè lên người chị M1. Khi T định đưa dương vật vào âm đạo của chị M1 thì ông T2 mở cửa phòng đi vào. T nhìn thấy ông T2 nên nhảy xuống giường định cầm quần dài và quần lót của mình để mặc vào. Nhưng ông T2 xông vào giật quần của T không cho mặc, rồi chạy xuống nhà hô hoán và gọi điện cho vợ là bà Lương Thị H. Chị M1 dùng chăn trùm kín người. T kéo ngăn tủ quần áo cạnh đó ra thì thấy một chiếc quần đùi nam giới màu đen, kẻ sọc màu đỏ, nên mặc vào và chạy xuống nhà. T đứng ở phòng khách ở tầng 1 thì thấy người dân xung quanh đó chạy đến xem. Một lúc sau thì bà H về đến nhà, ông Lương Văn H2 (em

trai ruột của bà Lương Thị H) – Đại úy thuộc Lữ đoàn bộ đội 382, Quân khu 1 đóng quân tại xã TĐ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên cũng đến. Giữa ông T2, bà H xảy ra cãi vã với T vì cho rằng T đã có hành vi hiếp dâm chị M1, nhưng T không thừa nhận hành vi của mình. Lúc này ông H2 đã dùng chìa khóa đánh vào mặt T gây thương tích. Sau đó, ông T2 cùng người dân đưa T đến Công an xã QT, thành phố Thái Nguyên để giải quyết.

Tại Công an xã Quyết Thắng, gia đình T và gia đình ông T2 đã thỏa thuận giải quyết tình cảm và đề nghị Công an xã Quyết Thắng lập biên bản làm việc. Gia đình ông T2 yêu cầu T bồi thường số tiền 200.000.000đ, T đồng ý. Quá trình hòa giải, mẹ của T là bà Trần Thị M (sinh năm: 1967; trú tại: xóm G, xã PX, thành phố Thái Nguyên) đã xin ông T2 trả lại chiếc quần dài và quần sịp của T. Sau đó, T đã về nhà tắm, giặt sạch quần áo, chị M1 cũng về nhà tắm giặt.

Đến sáng ngày 15/8/2020, bà M3 cùng ông Phạm Văn M2 và ông Phạm Văn Q (đều trú tại: Xóm G, xã PX, thành phố TN, là các bác của T) đến nhà anh T2 để tiếp tục giải quyết. Do hai bên không thống nhất được việc bồi thường danh dự, sức khỏe cho chị M1 nên tối ngày 15/8/2020, bà H đưa chị M1 đến Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên trình báo sự việc.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của chị M1 thể hiện: Phần ức có vết xước da kích thước 01x01cm; mông trái có vết xước da kích thước 0,7 x 0,2cm; mông bên phải có vết xước da kích thước dài 0,5cm; mặt trước cẳng tay phải có 1 vết xước da kích thước 3x1cm. Chị M1 khai đây là dấu vết do Phạm Văn T gây ra vào ngày 14/8/2020.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của T thể hiện: Vùng má bên trái có 1 vết xước da kích thước 1 x 0,7cm, má sưng, hơi tím. Răng số 7 bị nghiêng sâu vào phía trong của hàm. T khai là thương tích do người nhà chị M1 đánh vào ngày 14/8/2020.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 69/TD ngày 17/8/2020 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Thái Nguyên đối với chị Đỗ Thị Trà M1 kết luận: Màng trinh có vết rách mới tại vị trí 5h, 9h. Vùng giữa ngực có 01 vết xây sát da nhỏ. Âm đạo có ít dịch lẫn máu. (Hiện không tìm thấy hình ảnh tinh trùng, xác tinh trùng trên tiêu bản soi tươi).

Ngày 28/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên ra Quyết định trưng cầu giám định số 1286 gửi Viện Khoa học Kỹ thuật hình sự Bộ Công an yêu cầu giám định ADN của Phạm Văn T trên vật chứng thu giữ (trên cơ sở mẫu cần giám định là mẫu vật chất bám dính trên 10 đầu ngón tay của T (ký hiệu A) và mẫu máu của chị M1 (ký hiệu M).

Tại Bản kết luận giám định số: 6739/C09-TT3 ngày 30/10/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Trên mẫu gửi giám định ký hiệu A chỉ có ADN của một người nam giới và không phát hiện thấy ADN của chị Đỗ Thị Trà M1.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số: 474/KLGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Trước, trong, sau khi

sự việc xảy ra ngày 14/8/2020 bị hại Đỗ Thị Trà M1 bị bệnh chậm phát triển tâm thần vừa. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F71. Tại thời điểm giám định bị hại Đỗ Thị Trà M1 bị bệnh rối loạn Stress sau sang chấn/Bệnh nhân chậm phát triển tâm thần vừa. Bệnh ở giai đoạn cấp tính. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F43.1/F71.

Căn cứ Phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1991:

Bệnh F71: Chậm phát triển tâm thần trung bình.

Bệnh F43.1: Rối loạn stress sau sang chấn.

Tại thời điểm trên bị hại hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại công văn số 363/VPYTTTƯ-KHTH ngày 29/3/2021 Viện Pháp y tâm thần Trung ương trả lời về việc kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với bị hại Đỗ Thị Trà M1 như sau:

Căn cứ điểm 2 mục II (Chậm phát triển tâm thần vừa) bảng 4 Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do bệnh rối loạn tâm thần và hành vi sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế thì tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại tại thời điểm giám định do bệnh chậm phát triển tâm thần vừa là 43%.

Căn cứ điểm 3 Mục VII phản ứng với Stress (căng thẳng) trầm trọng và rối loạn sự thích ứng, tại Bảng 4 bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do bệnh rối loạn tâm thần và hành vi sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần ban hành kèm theo thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế thì tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại tại thời điểm giám định (ngày 12/01/2021) do bệnh rối loạn Stress sau sang chấn bệnh ở giai đoạn cấp tính (Điều trị không ổn định) thì tổn thương phần trăm cơ thể là 23%.

Căn cứ điều 4 Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần thì tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại tại thời điểm giám định ngày 12/01/2021 là: 43% + (100-43) x 23/100 = 43 + 13 = 56%.

Về trách nhiệm dân sự: Bà H và ông T2 yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 227.750.000đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 531/2021/HS-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử, quyết định: Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội " Hiếp dâm". Áp dụng: Khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạm Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật dân sự; Điều 584, Điều 585; Điều 590; Điều 592; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo bồi

thường cho bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 75.814.000đ (*bẩy mươi lăm triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng)*

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/10/2021 bị cáo Phạm Văn T kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

Ngày 10/11/2021 đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và tăng mức bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên xác định: Về hình phạt, mức án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại về hình phạt. Về phần bồi thường: Trước khi xét xử phúc thẩm đại diện bị hại xuất trình giấy xác nhận về việc thuê xe ô tô đi khám 03 lần vào tháng 10, 11, 12 với số tiền là 3.900.000đồng và 03 đơn thuốc của Viện pháp y tâm thần trung ương với căn bệnh chậm phát triển tâm thần vừa không liên quan đến căn bệnh rối loạn Stress sau sang chấn và đơn thuốc bị sửa chữa ngày, tháng. Tuy nhiên, do hành vi xâm hại của bị cáo phần nào ảnh hưởng đến căn bệnh mãn tính của bị hại nên phải thường xuyên đi khám do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần khoản tiền này của bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại về phần hình phạt. Chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị hại, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 531/2021/HSST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo hướng tăng bồi thường cho bị hại về khoản tiền thuê xe đi khám sau khi xét xử sơ thẩm là 3.900.000 đồng.

Bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị hại không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, của đại diện hợp pháp cho bị hại là ông Đỗ Viết T2 và bà Lương Thị H làm trong hạn luật định là hợp lệ.

[2]. Về nội dụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã mô tả. Xét lời khai nhận của bị cáo tại các phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, bệnh án, kết luận giám định và các chứng

cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 14/8/2020, tại giường trong phòng ngủ tầng hai của nhà ông Đỗ Viết T2 và bà Lương Thị H thuộc xóm GM, xã QT, thành phố Thái Nguyên, Phạm Văn T biết rõ chị Đỗ Thị Trà M1 là người mắc bệnh tâm thần nhưng vẫn lợi dụng tình trạng này để sờ, hôn vào ngực và bộ phận sinh dục của chị M1, dùng ngón tay đút vào bên trong bộ phận sinh dục của chị M1, nằm đè lên người chị M1 nhằm mục đích giao cấu với chị M1, nhưng chưa thực hiện được hành vi giao cấu thì bị ông Đỗ Viết T2 phát hiện. Tại Kết luận giám định pháp y về tình dục của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế Thái Nguyên kết luận: Màng trinh có vết rách mới tại vị trí 5h, 9h. Vùng giữa ngực có 01 vết xây xát da nhỏ. Sau khi sự việc xảy ra, chị M1 bị tổn thương cơ thể do bệnh rối loạn Stress sau sang chấn bệnh ở giai đoạn cấp tính (Điều trị không ổn định) là 23%. Bị cáo đã lợi dụng bị hại là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để thực hiện hành vi phạm tội nên hành vi đó đủ yếu tố cấu thành tội Hiếp dâm theo khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Văn T về tội "Hiếp dâm" theo khoản 1 Điều 141 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo và kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của đại diện hợp pháp cho bị hại Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm sự phát triển về thể chất và tâm sinh lý của bị hại, xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đánh giá tính chất vụ án, xem xét nhân thân của bị cáo, quyết định mức hình phạt 05 năm 06 tháng tù là phù hợp, tại phiên tòa hôm nay không phát sinh tình tiết nào khác để xem xét giảm nhẹ hình phạt của bị cáo cũng như kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của người đại diện pháp bị hại.

[4]. Xét kháng cáo tăng bồi thường của đại diện hợp pháp bị hại: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của pháp luật, căn cứ vào hóa đơn chứng từ hợp lệ và chi phí hợp lý của bị hại để buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại gồm: Tiền thuốc 19.300.000 đồng, tiền viện phí 3.053.626 đồng, tiền thuê xe 10.000.000 đồng, tiền công mất thu nhập của người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị 6.210.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần do danh dự nhân phẩm bị xâm hại 14.900.000 đồng tương ứng với 10 tháng lương cơ sở là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về khoản tiền tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại do hành vi trái pháp luật của bị cáo gây ra cho bị hại tổn hại 23% sức khỏe, cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi

thường 15 tháng lương cơ sở là thấp, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 20 tháng lương cơ sở, cụ thể: 20 tháng x 1.490.000đ/l tháng = 29.800.000đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà H đã đưa bị hại đi khám bệnh tại Bệnh viện tâm thần trung ương Hà Nội và nộp giấy xác nhận thuê xe vào các ngày 27/10; 27/11 và 27/12/2021 với số tiền 3.900.000đồng và 03 đơn thuốc với tổng số tiền là 13.810.000đồng. Tuy nhiên, đơn thuốc của Viện pháp y tâm thần trung ương về căn bệnh chậm phát triển tâm thần vừa (F71), không liên quan đến đến bệnh rối loạn Stress sau sang chấn (F43.1) nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Chấp nhận khoản tiền thuê xe đi khám bệnh là 3.900.000đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện hợp pháp cho bị hại đề nghị tăng bồi thường. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại tổng số tiền được làm tròn là 87.164.000 đồng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; kháng cáo của người đại diện pháp pháp cho bị hại yêu cầu tăng hình phạt, giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm. Sửa phần bồi thường dân sự của bản án sơ thẩm số 531/2021/HSST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 141; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạm Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Hiếp dâm". Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật dân sự; Điều 584, Điều 585; Điều 590; Điều 592; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 87.164.000đ (tám mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và 4.358.000 đồng án phí dân sự nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN, Sở TP;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- TAND thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- CA thành phố Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhài